

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số:05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 06 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Lê Vũ Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1984 (có mặt).

Trú tại: Ấp 5, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp 5, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2020, đơn yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2021 và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Có tự nguyện kết hôn với anh Phạm Văn N, đến ngày 05/02/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và năm 2016 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống hàng ngày, anh Nhọn cho rằng chị S không chung thủy trong đời sống vợ chồng nên anh N

thường xuyên có lời nói xúc phạm với chị S. Mặt khác, anh N đi làm nghề lái xà lan thuê, lương trên 10.000.000 đồng một tháng nhưng không quan tâm đến việc nuôi con, mỗi lần về nhà là xảy ra mâu thuẫn.

Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung:

Chị S khai, trong quá trình chung sống với anh N, vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Hồng G, sinh ngày 20/03/2006; giới tính: Nữ, Phạm Thị L, sinh ngày 12/12/2008; giới tính: Nữ và Phạm Duy N, sinh ngày 05/06/2011; Giới tính: Nam. Trong thời qua, chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Nay chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn N có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã V, huyện T, tỉnh Long An nhưng anh N thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nên Tòa án không thu thập được chứng cứ.

Do anh N không đến Tòa án. Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Chị Nguyễn Thị S khởi kiện anh Phạm Văn N về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, còn bị đơn chưa chấp hành.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị S với anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, cuộc sống chung giữa các bên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011, đến năm 2016 đã trầm trọng. Điều này, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh N không thể kéo dài. Vì vậy, chị S khởi kiện ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về con chung, chị S yêu cầu được tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng 03 con chung là Phạm Thị Hồng G, sinh ngày 20/03/2006; giới tính: Nữ, Phạm Thị L, sinh ngày 12/12/2008; giới tính: Nữ và Phạm Duy N, sinh ngày 05/06/2011; Giới tính: Nam. Xét thấy, các con của chị S cũng có nguyện vọng sống với chị S. Do đó, yêu cầu của chị S phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Chị S không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh N vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nhọn theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị S với anh N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Chị S khai do anh N đi làm tài công lái xà lan chở cát thuê, một hai tuần mới về nhà và cho rằng vợ không chung thủy trong đời sống vợ chồng nên mới xảy ra mâu thuẫn. Đồng thời, trong cuộc sống vợ chồng anh N thường hay có bạo lực gia đình, không quan tâm đến vợ và các con, làm mất đi tình nghĩa vợ chồng, giữa chị S và anh N đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S với anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp thuận.

[3] *Về con chung*: Chị S yêu cầu được tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng các con Phạm Thị Hồng G, sinh ngày 20/03/2006; giới tính: Nữ, Phạm Thị L, sinh ngày 12/12/2008; giới tính: Nữ và Phạm Duy N, sinh ngày 05/06/2011; Giới tính: Nam. Đồng thời, các con của anh N, chị S cũng có nguyện vọng được sống với chị S sau khi anh, chị ly hôn. Yêu cầu của chị S phù hợp với nguyện vọng của các con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do anh N không đến Tòa án, anh N không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị S không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[6] *Về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[7] *Về án phí*:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.
Anh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với Phạm Văn N.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị S được tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Hồng G, sinh ngày 20/03/2006; giới tính: Nữ, Phạm Thị L, sinh ngày 12/12/2008; giới tính: Nữ và Phạm Duy N, sinh ngày 05/06/2011; Giới tính: Nam

Anh N không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005753 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng; Chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/ huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Hựu